

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ../20.../TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày .. tháng .. năm

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn
việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam tham gia việc sử dụng, khai thác di sản văn hóa và cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

Chương II

DI SẢN VĂN HOÁ HẠN CHẾ SỬ DỤNG, KHAI THÁC

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng, khai thác di sản văn hóa

1. Chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học hoặc các nhiệm vụ chính trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phải có giấy giới thiệu, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức chủ quản, tổ chức chính trị nơi học tập, công tác, sinh hoạt hoặc được sự đồng ý bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan quản lý di sản văn hoá theo quy chế khai thác di sản văn hoá hạn chế sử dụng của đơn vị.

3. Thực hiện các quy định về bảo mật trong quá trình khai thác di sản văn hoá, không sao chụp, phát tán, phổ biến di sản văn hoá lên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Chỉ nghiên cứu tại phòng riêng biệt theo nội quy của đơn vị được giao quản lý di sản văn hoá.

Điều 4. Quy định loại di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác

1. Chứa nội dung thông tin nếu sử dụng rộng rãi có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

a) Xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;

b) Gây ảnh hưởng đến chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, chính trị;

c) Phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế;

d) Chưa được phổ biến thuộc các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, quốc phòng và an ninh quốc gia; ảnh hưởng đến lợi ích của quốc gia, dân tộc.

đ) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc, phỉ báng, phủ nhận chính quyền nhân dân;

e) Gây chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

g) Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

h) Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

i) Kích động, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; xúc phạm niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo;

k) Hoạt động tổ chức tôn giáo trái phép; hoạt động tôn giáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến an ninh quốc gia;

l) Truyền bá mê tín; phân biệt đối xử, kỳ thị văn hóa, tạo ganh đua, mâu thuẫn, tranh chấp và xung đột văn hóa.

2. Có thể bị lợi dụng để tuyên truyền thông tin độc hại

b) Vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc danh dự và nhân phẩm của cá nhân; xúc phạm anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử;

b) Kích động bạo lực; tuyên truyền lối sống đồi trụy; miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, hành vi tội ác; không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan; gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng;

d) Thu lợi nhuận thông qua thương mại hóa quá mức có nguy cơ làm mất tính nguyên bản và giá trị của các di sản văn hóa;

3. Đang được yêu cầu nghiên cứu bổ sung hồ sơ, đính chính hồ sơ khoa học.

4. Có nguy cơ bị hư hại không thể phục hồi khi sử dụng, khai thác.

5. Có nguy cơ phát tán chất độc hại, nguy hiểm đến con người và các di sản văn hoá khác.

6. Sử dụng, khai thác nhằm chiếm đoạt quyền sở hữu di sản văn hóa của cá nhân, cộng đồng khác.

Chương III

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa bao gồm:

a) Dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể;

b) Dữ liệu về di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh;

c) Dữ liệu về bảo tàng;

d) Dữ liệu về di vật, hiện vật, cổ vật và bảo vật quốc gia;

đ) Dữ liệu về di sản tư liệu.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực của di sản văn hoá; nội dung, hình thức thể hiện, giá trị không thay đổi;

b) Bảo đảm tra cứu, truy cập, sử dụng thuận lợi, kết nối và chia sẻ trong lưu trữ, quản lý và khai thác;

c) Có dấu hiệu nhận biết đã được số hoá và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ sở hữu, quản lý di sản văn hoá;

d) Có chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác thực dữ liệu được số hoá.

Điều 6. Nguyên tắc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

1. Bảo đảm an ninh, an toàn cho thông tin, dữ liệu về di sản văn hóa trong quá trình khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật và tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước; bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Nội dung thông tin, dữ liệu được cập nhật, duy trì thường xuyên, đầy đủ; tăng cường công khai thông tin, dữ liệu về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu được cung cấp để khai thác và sử dụng phải bảo đảm đầy đủ, chính xác theo đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

5. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu và sử dụng các cơ sở dữ liệu số của các cá nhân, tổ chức phải tuân theo các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 7. Phạm vi khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

1. Cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước được quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin vì mục đích tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, giáo dục di sản văn hóa và phù hợp với yêu cầu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở tại cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa và được khai thác bằng tài khoản được cấp hoặc bằng văn bản đối với các dữ liệu còn lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu sử dụng của cá nhân, tổ chức.

3. Trường hợp di sản văn hóa thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng không thuộc danh mục dữ liệu mở tại cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa, cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trích xuất thông tin, dữ liệu do mình quản lý, sở hữu di sản văn hóa đó.

4. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân, việc khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa được thực hiện theo một hoặc kết hợp giữa các phương thức sau:

a) Thông qua tài khoản được cấp hoặc nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

- b) Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- c) Bảng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;
- d) Các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quản trị và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

1. Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, cộng đồng, tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu;

b) Việc chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia bảo đảm không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hoạt động quản trị, chia sẻ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia gồm:

a) Xây dựng chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa bảo đảm khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước;

b) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế sử dụng dữ liệu, chia sẻ của các cơ sở dữ liệu; các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu trao đổi; các tài liệu kỹ thuật về trao đổi dữ liệu;

c) Tổ chức, cung cấp, sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và chia sẻ dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Điều phối, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu;

đ) Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu; quản lý chất lượng dữ liệu.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá có trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn và bảo mật tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa

1. Cơ quan, đơn vị quản lý di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác và cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chế sử dụng, khai thác di sản văn hoá; quy định cụ thể về thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

b) Xử lý, cập nhật, công bố, công khai dữ liệu theo phân cấp;

c) Duy trì tình trạng bảo quản của di sản văn hoá, bảo đảm việc hạn chế sử dụng, khai thác theo quy định;

d) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

đ) Cung cấp dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; trong trường hợp phát hiện dữ liệu đã cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung dữ liệu; được từ chối yêu cầu cung cấp dữ liệu trái với quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan và có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý trong trường hợp phát hiện di sản văn hoá được sử dụng, khai thác không đúng quy định;

e) Thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa có trách nhiệm sau đây:

a) Xử lý, cập nhật, công khai dữ liệu di sản văn hóa đã được ghi danh có sự hướng dẫn, hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Được cung cấp dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về những sai sót của dữ liệu (nếu có) mà mình đã được cung cấp;

c) Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đúng mục đích, quy định đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu mà mình đã được cung cấp trong trường hợp đã có thỏa thuận hay được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quy định của pháp luật có liên quan; tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; chịu trách nhiệm về sai phạm của mình do khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu gây ra;

d) Trả phí khai thác và sử dụng dữ liệu và các chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi dữ liệu qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20...

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để được hướng dẫn hoặc xem xét, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng Cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, Cục DSVH, KT(300).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng